|  |  |
| --- | --- |
|  | **BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **NĂM HỌC**  **MÔN: TIẾNG ANH 8**  **Thời gian làm bài: 60 phút**  **Bản đặc tả gồm 04 trang** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kỹ năng** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng**  **cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | | | ***Tổng Số CH*** | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** |
| **I.** | **LISTENING** | 1. Nghe 5 đoạn hội thoại trong 5 phút (khoảng 80 – 100 từ) sau đó chọn đáp án đúng. | **Nhận biết:**  Nghe lấy thông tin chi tiết và chọn đáp án đúng. | 4 |  |  |  |  |  |  |  | 4 |  |
| **Thông hiểu:**  Hiểu nội dung chính của đoạn hội thoại để tìm câu trả lời đúng. |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **Vận dụng:**  - Nắm được ý chính của bài nghe để đưa ra câu trả lời phù hợp.  - Tổng hợp thông tin từ nhiều chi tiết, loại trừ các chi tiết sai để tìm câu trả lời đúng. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 2. Nghe một đoạn hội thoại khoảng 4-5 phút (khoảng 80 – 100 từ) | **Nhận biết:**  - Nghe lấy thông tin chi tiết để xác định thông tin đúng/ sai | 3 |  |  |  |  |  |  |  | 3 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu nội dung chính của đoạn hội thoại để điền đúng thông tin |  |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Vận dụng:**  - Nắm được ý chính của bài nghe để đưa ra câu trả lời phù hợp.  - Tổng hợp thông tin từ nhiều chi tiết, loại trừ các chi tiết sai để tìm câu trả lời đúng. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II. LANGUAGE** | | **Pronunciation**  - Biết cách phát âm nguyên âm đơn /ə/và /ɪ/ và nguyên âm đôi /ɔɪ/ và /ʊə/ | **Nhận biết:**  - Biết cách phát âm nguyên âm đơn /ə/và /ɪ/ và nguyên âm đôi /ɔɪ/ và /ʊə/ | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Language function** | **Thông hiểu:**  Hiểu và đáp lại được các tình huống giao tiếp đơn giản |  |  | 3 |  |  |  |  |  | 3 |  |
| **Vocabulary**  Từ vựng đã học theo chủ đề: Leisure time, Life in the countryside, Teenagers | **Nhận biết:**  Nhận ra, nhớ lại, liệt kê được các từ vựng theo chủ đề:  Leisure time  Life in the countryside  Teenagers  (cattle/ forum/ browsing…) | 3 |  |  |  |  |  |  |  | 3 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu và phân biệt được các từ vựng về:  Leisure time  Life in the countryside  Teenagers  - Nắm được các mối liên kết và kết hợp của từ trong bối cảnh và ngữ cảnh tương ứng.  (calm/ friendly) |  |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Vận dụng:**  - Hiểu và vận dụng được từ vựng đã học trong văn cảnh (danh từ, động từ, tính từ và trạng từ…) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Grammar**  Các chủ điểm ngữ pháp đã học. | **Nhận biết:**  Nhận ra được các kiến thức ngữ pháp đã học về: verbs of liking, comparatives of adverbs*,* simple/compound sentences. | 3 |  |  |  |  |  |  |  | 3 |  |
| **Thông hiểu:**  verbs of liking, comparatives of adverbs*,* simple/compound sentences |  |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |  |
|  | **Vận dụng:**  - Vận dụng những điểm ngữ pháp đã học vào bài viết/ nói/ nghe/ đọc. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| III. | **READING** | **1. Reading Cloze test**  Hiểu được bài đọc có độ dài khoảng 80-100 từ về chủ đề Life in the countryside. | **Nhận biết:**  Nhận ra được các thành tố ngôn ngữ và liên kết về mặt văn bản. | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:**  Phân biệt được các đặc trưng, đặc điểm các thành tố ngôn ngữ và liên kết về mặt văn bản. |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **Vận dụng:**  Sử dụng các kiến thức ngôn ngữ và kỹ năng trong các tình huống mới. |  |  |  |  | 2 |  |  |  | 2 |  |
| **2. Reading comprehension**  Hiểu được nội dung chính và nội dung chi tiết đoạn văn bản có độ dài khoảng 150-180 từ về chủ đề Teenagers. | **Nhận biết:**  Thông tin chi tiết. | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **Thông hiểu:**  Hiểu ý chính của bài đọc. |  |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Vận dụng:**  - Đoán nghĩa của từ trong văn cảnh.  - Hiểu, phân tích, tổng hợp ý chính của bài để chọn câu trả lời phù hợp. |  |  |  |  | 2 |  |  |  | 2 |  |
| **IV.** | **WRITING** | **1. Error identification**  Xác định lỗi sai | **Nhận biết:**  - Nhận diện lỗi về ngữ pháp và từ loại trong câu: verbs of liking, từ nối, giới từ, loại từ, so sánh hơn với trạng từ. | 5 |  |  |  |  |  |  |  | 5 |  |
| **2. Sentence transformation**  Viết lại câu sao cho nghĩa không thay đổi. | **Thông hiểu:**  - Hiểu câu gốc, viết lại câu với nghĩa không đổi, tương tự những ví dụ đã học trên lớp: however, tobe into +Ving, so sánh hơn với trạng từ |  |  | 3 |  |  |  |  |  |  | 3 |
| **Vận dụng:**  - Hiểu câu gốc và sử dụng các từ gợi ý để viết lại câu sao cho nghĩa không thay đổi, học sinh phải biến đổi so sánh hơn với tính từ và trạng từ. |  |  |  |  | 2 |  |  |  |  | 2 |
| **3. Writing a paragraph**  Viết 1 đoạn văn theo chủ đề Leisure time. | **Vận dụng cao:**  - Sử dụng vốn kiến thức đã học để viết một đoạn văn hoàn chỉnh về hoạt động giải trí yêu thích của một người bạn thân. |  |  |  |  |  |  |  | 1 đoạn văn |  | 1 |
| Tổng | |  |  | ***23*** |  | ***16*** |  | ***6*** |  |  | **1 bài** | **40** | **5 + 1 bài** |